

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bảy
2. Ông Phạm Văn Nam

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Linh – T ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh G (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Lữ Minh Đ**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp V, xã B, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai chị Nguyễn Ngọc Anh T trình bày:

Chị T và anh Đ tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào tháng 01/2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường N, thị xã C, tỉnh G, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/4/2021. Sau khi thành hôn vợ chồng sống và làm việc tại tỉnh Tiền Giang. Cuối năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến Tổng xuyên cữ cãi, anh Đ Tổng xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay không thể hàn gắn Đ tự được. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T trình bày không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản nêu ý kiến anh Lữ Minh Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của chị T. Do chị T cương quyết xin ly hôn nên anh Đ đồng ý ly hôn với chị T. Trong thời gian chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Anh T đối với anh Lữ Minh Đ thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Lữ Minh Đ có nơi cư trú tại xã B, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Nguyễn Ngọc Anh T và anh Lữ Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Anh T và anh Lữ Minh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại phường N, thị xã C, tỉnh G nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhân giữa chị và anh Đ không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Theo chị T trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến Tòng xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh Đ có văn bản trình bày ý kiến, thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của chị T và đồng ý ly hôn với chị T. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh Đ cùng trình bày, trong thời gian chung sống anh chị không có con chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vân và anh Phúc cùng trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Anh T, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Anh T được ly hôn với anh Lữ Minh Đ.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Anh T và anh Lữ Minh Đ thống nhất không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.
3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc Anh T và anh Lữ Minh Đ thống nhất không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Ngọc Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001193 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b);
- UBND phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy,
tỉnh Tiền Giang ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

